

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ T  
TỈNH TUYÊN QUANG**  
Bản án số: 59/2021/HS-ST  
Ngày 26/5/2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vương Thị Lan.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vương Minh Tân  
2. Bà Lý Thị Nhân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thị Thúy Tình – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:** Bà Bê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm C khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2021/TLST-HS, ngày 20/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2021/QĐXXST-HS, ngày 12/5/2021; đối với các bị cáo:

**1. Phan Anh T** - Sinh ngày 02/9/1981; giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn 11, xã K, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Phan Hữu S, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1958; Anh, chị, em ruột: Có 03 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ: Nông Thị S, sinh năm 1992; Con: Có 01 con, sinh năm 2015.

- Tiền án: Có 3 tiền án:

+ Ngày 24/12/2002 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội (xét xử phúc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 78/2002/HSST ngày 26/8/2002 của Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang) xử phạt 09 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy;

+ Ngày 27/6/2003 Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 05 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam, tổng hợp hình phạt 09 năm tù tại Bản án số 1998/PTHS ngày 24/12/2002 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Hà Nội, buộc T phải chấp hành hình phạt của 02 Bản án là 14 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/9/2013;

+ Ngày 27/9/2016 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm 03 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2019;

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 01/02/2001 Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (tài sản trộm cắp dưới 2.000.000 đồng, thời điểm phạm tội ngày 12/8/2000, theo Nghị quyết số 33/2009/QH12 ngày 19/6/2009 của Quốc hội, hành vi trên không coi là tội phạm);

*\* Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2021, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.*

**2. Trương Việt D** (tên gọi khác Tráng Văn D); Sinh ngày 9/11/1979; giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn Tân Lâm, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Con ông Tráng Ý H, sinh năm 1945 và bà Trần Thị Q, sinh năm 1954; Anh, chị, em ruột: Có 05 người, bị cáo là thứ năm; Vợ: Thảm Thị N, sinh năm 1982; Con: Có 03 người, con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án: Có 01 tiền án:

+ Ngày 12/11/2018 Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”

- Tiền sự: Không.

- Nhân thân:

+ Ngày 14/5/2003 Tòa án nhân dân thị xã T (nay là thành phố T) xử phạt 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

+ Ngày 18/11/2003 Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang (xét xử phúc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 22/HSST 29/8/2003 của Tòa án nhân dân thị xã H (nay là thành phố H) xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

+ Ngày 27/11/2008 Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

+ Ngày 22/9/2011 Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Hà Giang xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy;

+ Ngày 17/5/2018, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy C an tỉnh Hà Giang ra Quyết định số 740 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

+ Ngày 02/4/2021, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản (Bản án có hiệu lực).

*\* Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam C an tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.*

**3. Ma Văn N**; Sinh ngày 16/11/2001; giới tính: Nam;

Nơi cư trú: Thôn Đô Thượng 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Ma Văn P, sinh năm 1980 và bà Trịnh Thị N, sinh năm 1984; Anh, chị, em ruột: Có 02 người, bị cáo là thứ nhất; Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 13/5/2021 Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản.

*\* Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 25/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà Tạm giữ C an thành phố T. Có mặt.*

*\* Bị hại:*

1. Ông Lý N L, sinh năm 1966; Địa chỉ: Tổ 17, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Có mặt.

2. Anh Lý Việt H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Tổ 17, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

3. Chị Phan Thu H, sinh năm 1993; Địa chỉ: Tổ 17, phường A, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

*\* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Nguyễn Thành C, sinh năm 1972; Địa chỉ: Số nhà 147, tổ 4, phường N, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, có mặt.

*\* Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1999; Địa chỉ: Thôn Đô Thượng 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Tổ 6, phường Q, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian tháng 12 năm 2020, Phan Anh T, cư trú tại thôn 11, xã K, thành phố T; Ma Văn N, cư trú tại thôn Đô Thượng 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và Trương Việt D (tên gọi khác: Tráng Văn D), cư trú tại thôn Tân Lâm, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang thường xuyên tụ tập chơi tại nơi thuê trọ thuộc số nhà 147, tổ 4, phường N, thành phố T của Nguyễn Thành C, đăng ký HKTT tại tổ 8, phường P, thành phố T.

Khoảng 21 giờ ngày 22/12/2020, T đến chơi nhà trọ của C tại số nhà 147, tổ 4, phường N thì thấy N, D tại đó. Khoảng 22 giờ 30 phút cùng ngày, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe tay ga màu sơn đen, trắng BKS 29V4-3062 mượn của C chở D từ nhà trọ đi quanh thành phố T, mục đích thấy tài sản để sơ hở trộm cắp. Đến rạng sáng ngày 23/12/2020, T, D và N nhiều lần trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 23/12/2020, T điều khiển xe mô tô BKS 29V4-3062 chở D đi qua nhà ông Lý N L, trú tại Tổ dân phố 17, phường A, thành phố T, quan sát thấy cổng nhà ông L không khóa, dùng bạt che cổng nên T dừng xe lại, D đợi ngoài đường còn T đi vào sân nhà ông L, T thấy có 03 chiếc xe mô tô dựng ở sân không khóa cổ, quay ra nói với D “*Trong nhà có 03 cái xe, anh vào dắt 01 cái đi*”. D hiểu ý T rủ D trộm cắp xe, D trả lời “*Không lấy đâu*” thì T bảo D ra đầu đường đứng canh gác để T vào trộm cắp, D đồng ý. T vào sân trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen, BKS 22B1- 969.39, dắt ra khỏi nhà ông L. T lấy một chiếc quần dài bằng vải và một áo mưa đã qua sử dụng treo ở trước cửa nhà ông L, mục đích buộc vào xe vừa trộm cắp được để kéo về. Thấy T dắt xe ra, D dắt xe mô tô của C đi theo, sau đó T mở cốp xe mô tô của C, lấy đoạn dây bằng nylon dài khoảng 05m, rộng khoảng 05cm (dây này do T lấy ở dọc đường khi chở D đi quanh thành phố T) nối với quần vải, áo mưa rồi buộc vào chiếc xe trộm cắp với xe mô tô của C, D điều khiển xe kéo T ngồi trên xe trộm cắp rồi cùng

về nhà trọ. Đến nhà trọ, N ra mở cửa, biết nguồn gốc chiếc xe do T, D trộm cắp thì N bảo D ở nhà để N cùng T đi trộm cắp hai chiếc xe mô tô còn lại ở sân nhà ông L.

Lần 2: Khoảng 04 giờ ngày 23/12/2020, T điều khiển xe mô tô của C chở N đến nhà ông L để trộm cắp xe mô tô. Đến nơi, T đứng ngoài, N vào sân trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu sơn xanh trắng BKS 22B1-412.96 của con trai ông L là Lý Việt H rồi dắt ra đường, dùng đoạn dây trước đó buộc chiếc xe trộm cắp vào xe mô tô của C, T điều khiển xe của C kéo N ngồi trên chiếc xe trộm cắp đến gửi tại một quán ăn đêm ở khu vực đường Quốc lộ 37 thuộc xã An Tường, thành phố T.

Lần 3: Sau khi gửi xe tại quán, khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, T và N quay lại nhà ông L, T đứng ngoài, N đi vào trong sân trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead màu sơn đỏ, BKS 22S1-222.83 của con dâu ông L là chị Phan Thu H, sau đó T, N dùng dây buộc chiếc xe trộm cắp rồi kéo đến gửi nhà bạn của T là Nguyễn Xuân H, trú tại tổ 6, phường Q, thành phố T, T và N quay lại quán ăn đêm trên đường Quốc lộ 37 kéo chiếc xe Exciter đến nhà H rồi T, N lần lượt kéo hai chiếc xe mô tô trộm cắp được về nhà trọ của C. Khi về đến nhà trọ của C, D mở cửa, cả ba cùng nhau dắt xe vào nhà.

Đến khoảng 08 giờ sáng cùng ngày, C thấy có ba chiếc xe tại nhà trọ, hỏi thì T trả lời “*xe người ta cấm em*”, sau đó T, D dắt ba chiếc xe trộm cắp được cất giấu ra phía sau nhà trọ của C rồi cùng nhau tháo cốp, gương xe, tháo biển số xe Exciter. Lấy biển số 17M6-3947 có sẵn ở nhà C rồi dùng băng dính đen dán chồng lên biển số chiếc xe Honda Lead.

Sau khi cùng T trộm cắp hai xe mô tô của ông L, N liên lạc và kể lại sự việc cho chị họ là Phạm Thị D, trú tại thôn Đô Thượng 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang thì được D khuyên N ra đầu thú.

Sau khi hành vi trộm cắp bị phát hiện, T, D, N bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 24/12/2020, N đến Cơ quan điều tra đầu thú. Ngày 28/12/2020, D đến Cơ quan điều tra đầu thú, quá trình làm việc thấy D có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy nên tiến hành xét nghiệm đối với D, kết quả dương tính (+) có chất ma túy trong cơ thể, D khai nhận ngày 28/12/2020 sử dụng Heroine. Riêng T bỏ trốn, ngày 24/02/2021, T bị bắt theo quyết định truy nã số 01 ngày 19/01/2021 của Cơ quan điều tra.

Tại Kết luận định giá tài sản số 92/KLĐG ngày 25/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố T, kết luận tổng giá trị 03 chiếc xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt là 51.500.000 đồng, trong đó:

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, màu sơn đỏ đen, BKS 22B1-969.39, số khung RLH5AG105E7107295, số máy JA31E-0388895, xe sản xuất năm 2016, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị là 11.333.000 đồng

- + 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, màu sơn đỏ, BKS 22S1-222.83 số khung RLHJF4514FY115920, số máy JF4E-0754503, xe sản xuất năm 2016, xe cũ đã qua sử dụng có giá trị 21.667.000 đồng.

- + 01 xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha Exciter 135, màu sơn xanh trắng, BKS 22B1-412.96, số khung RLCE55P10CY197540, số máy 55P1197567, xe sản xuất năm 2013, đã qua sử dụng có giá trị 18.500.000 đồng.

Tổng giá trị của các tài sản: 51.500.000 đồng (Năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng).

Vật chứng: Ngày 23/12/2020, Cơ quan CSĐT C an thành phố T khám xét khẩn cấp tại nhà trọ của C, thu giữ 03 chiếc xe mô tô là tài sản của gia đình ông L. Ngày 14/01/2021, Cơ quan điều tra trả xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX cho ông Lý N L, trả xe mô tô Honda Lead cho chị Phan Thu H, trả xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter cho anh Lý Việt H.

Ngày 24/12/2020, tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu xe tay ga, màu sơn trắng đen, BKS 29V4-3062 và 01 biển kiểm soát số 17M6-3947 của Nguyễn Thành C, tài sản trên hiện đang tạm giữ, chờ xử lý.

Người bị hại ông L, chị H, anh H nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo Phan Anh T, Ma Văn N và Trương Việt D đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài ra, hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng: Biên bản khám xét; Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ, bản ảnh hiện trường; Bản Kết luận định giá tài sản; Biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú; lời khai của những người bị hại, người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 53/CT-VKSTP ngày 19/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang đã truy tố:

- Bị cáo Phan Anh T về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại điểm c, điểm g, khoản 2, Điều 173 Bộ luật hình sự;
- Bị cáo Trương Việt D và Ma Văn N về tội Trộm cắp tài sản, quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền C tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật đã nêu trong cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Anh T; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Việt D; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ma Văn N;

Tuyên bố bị cáo Phan Anh T, Trương Việt D và Ma Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản;

Xử phạt: Bị cáo Phan Anh T từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù; Bị cáo Trương Việt D từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng tù, tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù tại Bản án số 14/2021/HSST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, bị cáo D phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù đến 02 (hai) năm (sáu) tháng tù; Bị cáo Ma Văn N từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo; buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả cho anh Nguyễn Thành C 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu xe tay ga, màu sơn trắng đen BKS 29V4-3062; Tịch thu tiêu hủy Biên kiểm soát số 17M6-3947.

- Đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết yêu cầu trách nhiệm bồi thường dân sự do thiệt hại về chiếc máy SCAN của chị Phan Thu H tại phiên tòa đối với các bị cáo Phan Anh T và Ma Văn N do không có căn cứ.

Tại phiên tòa, bị cáo không kêu oan, nội dung khai của các bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, không có tình tiết mới, các bị cáo không có khiếu nại gì về kết luận điều tra, kết luận định giá tài sản, nhất trí với nội dung cáo trạng và luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, không có ý kiến tranh luận và cũng không có ý kiến đề bào chữa cho hành vi phạm tội của mình.

Bị cáo nói lời sau cùng, rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo xin Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra C an thành phố T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và năng lực chịu trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo tiếp tục khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của các bị cáo phù hợp với biên bản khám xét, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ chứng cứ nêu trên có đủ cơ sở kết luận: Ngày 23/12/2020, tại nhà ông Lý N L, trú tại tổ dân phố 17, phường A, thành phố T, Phan Anh T, trú tại thôn 11, xã K, thành phố T; Ma Văn N, trú tại thôn Đô Thượng 1, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và Trương Việt D (tên gọi khác: Tráng Văn D), trú tại thôn Tân Lâm, xã T, huyện B, tỉnh Hà Giang nhiều lần có hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 03 giờ 30 phút ngày 23/12/2020, tại nhà ông L, T và D có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô, nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS 22B1- 69.39 của ông L, trị giá 11.333.000 đồng.

Lần 2: Khoảng 04 giờ ngày cùng ngày, tại nhà ông L, T và N có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, BKS 22B1-412.96 của con ông L là Lý Việt H, trị giá 18.500.000 đồng.

Lần 3: Khoảng 04 giờ 30 phút cùng ngày, tại nhà ông L, T và N có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, BKS 22S1-222.83 của con dâu ông L là Phan Thu H, trị giá 21.667.000 đồng.

Tổng giá trị của các tài sản: 51.500.000 đồng (*Năm mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*), trong đó:

T trộm cắp 03 chiếc xe có tổng giá trị là 51.500.000 đồng; N trộm cắp 02 chiếc xe có tổng giá trị là 40.167.000 đồng; D trộm cắp 01 chiếc xe có giá trị là 11.333.000 đồng.

Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng sơ hở của gia đình ông Lý N L để lén lút chiếm đoạt của ông Lý N L 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX trị giá 11.333.000 đồng, chiếm đoạt của chị Phan Thu H 01 xe mô tô Honda Lead trị giá 21.666.000đ, chiếm đoạt của anh Lý Việt H 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 18.500.000đ. Tổng trị giá tài sản các bị cáo trộm cắp là 51.500.000 đồng, trong đó T trộm cắp 03 chiếc xe trị giá 51.500.000 đồng, N trộm cắp 02 chiếc xe trị giá 40.167.000 đồng, D trộm cắp 01 chiếc xe trị giá 11.333.000 đồng. Hành vi của các bị cáo Phan Anh T, Trương Việt D, Ma Văn N cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang truy tố bị cáo Phan Anh T về tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm c và điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Trương Việt D và bị cáo Ma Văn N theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự và là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội: Các bị cáo đều có sức khỏe bình thường, có khả năng lao động nhưng không chịu lao động kiếm tiền chân chính, lại tìm cách trộm cắp tài sản hợp pháp của người khác với mục đích bán lấy tiền tiêu sài. Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của C dân được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trương Việt D và bị cáo Ma Văn N được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội đầu thú, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Phan Anh T, Ma Văn N bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên, quy định tại điểm g, khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Bị cáo Trương Việt D bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] Về quyết định hình phạt: HĐXX nhận thấy, các bị cáo đều có nhân thân xấu, bị cáo Phan Anh T và bị cáo Trương Việt D đã nhiều lần bị Tòa án án xét xử về tội trộm cắp tài sản nhưng không rút kinh nghiệm mà vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, qua đó đánh giá ý thức chấp hành pháp luật của các bị cáo còn rất kém. Hành vi của bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật, khó có thể tự mình tu dưỡng cải tạo tại địa phương. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại cơ sở giam giữ trong một thời hạn nhất định nhằm giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án bị cáo Phan Anh T là người khởi xướng, các bị cáo Trương Việt D và Ma Văn N là đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực, trị giá tài sản

bị cáo T và bị cáo N trộm cắp nhiều hơn trị giá tài sản bị cáo D trộm cắp nên khi xem xét quyết định hình phạt HĐXX xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm và vai trò của các bị cáo trong quá trình phạm tội để quyết định hình phạt đối với các bị cáo cho phù hợp.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo; trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt cũng như tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức án mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập thường xuyên; không có tài sản gì có giá trị. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo đúng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, 01 xe mô tô Honda Lead, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter mà Cơ quan CSĐT C an thành phố T thu giữ trong quá trình điều tra, ngày 14/01/2021 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Lý N L, chị Phan Thu H và anh Lý Việt H.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu xe tay ga, màu sơn trắng đen, BKS 29V4-3062 và 01 biển kiểm soát số 17M6-3947 của Nguyễn Thành C, Cơ quan CSĐT C an thành phố T thu giữ ngày 24/12/2020. Xét thấy, đây là xe bị cáo Phan Anh T mượn của anh Nguyễn Thành C, anh C không biết bị cáo mượn xe để sử dụng vào mục đích làm phương tiện đi trộm cắp tài sản; 01 Biển kiểm soát 17M6 – 3947 Cơ quan CSĐT thu giữ tại nhà anh C tuy nhiên tại phiên tòa anh C xác nhận không biết biển số xe đó từ đâu mà có và không đề nghị trả lại. Do vậy, HĐXX xem xét trả cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Thành C chiếc xe mô tô BKS 29V4-3062, tịch thu tiêu hủy 01 Biển kiểm soát 17M6 – 3947.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Lý N L, chị Phan Thu H và anh Lý Việt H đã nhận lại tài sản bị mất là xe mô tô do các bị cáo trộm cắp, không yêu cầu, đề nghị về bồi thường gì về xe; Tại phiên tòa chị Phan Thu H có yêu cầu bị cáo Phan Anh T và bị Cáo Ma Văn N bồi thường thiệt hại trị giá đối với 01 máy SCAN là 12.000.000 đồng với lý do khi các bị cáo trộm cắp chiếc xe mô tô HONDA LEAD chị H có để máy SCAN trong cốp xe, khi nhận lại máy SCAN trong tình trạng còn nguyên vẹn như ban đầu nhưng không sử dụng được. Xét thấy, trong quá trình điều tra và từ khi nhận lại tài sản cho đến trước khi mở phiên tòa chị H không có ý kiến gì về việc thiệt hại do máy SCAN bị hư hỏng, tại phiên tòa chị H và các bị cáo không tự thỏa thuận được do bị cáo T và bị cáo N không nhất trí bồi thường, chị H không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc chị bị thiệt hại là do các bị cáo gây nên. Do vậy, HĐXX không xem xét yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo trong vụ án này.

[8] Án phí của vụ án:

Các bị cáo Phan Anh T, Trương Việt D, Ma Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.



Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c, điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Phan Anh T phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt bị cáo Phan Anh T 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 25/02/2021.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trương Việt D (tên gọi khác Tráng Văn D) phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt bị cáo Trương Việt D 01 (một) năm (09) chín tháng tù, tổng hợp hình phạt 09 (chín) tháng tù tại Bản án số 14/2021/HSST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/12/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Ma Văn N phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”;

Xử phạt: Bị cáo Ma Văn N 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 25/12/2020.

2. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả cho anh Nguyễn Thành C 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, kiểu xe tay ga, màu sơn trắng đen, BKS 29V4-3062;

Tịch thu tiêu hủy 01 Biên kiểm soát 17M6 – 3947.

*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/4/2021 giữa Cơ quan CSĐT C an thành phố T và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.*

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Phan Anh T, Trương Việt D, Ma Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Các bị cáo, bị hại là ông Lý N L, chị Phan Thu H và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án 26/5/2021; Bị hại anh Lý Việt H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

***Nơi nhận:***

- Bị cáo; bị hại; Người có QLVNVLQ;
- VKSND tp Tuyên Quang;
- C an tp Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh Tuyên Quang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Cơ quan THA hình sự C an tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS tp Tuyên Quang;
- UBND xã X;
- UBND xã K;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Vương Thị Lan**

- UBND xã X;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HS.

